

Số: /KH-UBND

Đức An, ngày tháng 10 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn xã Đức An

Căn cứ Kế hoạch số 5039/KH-UBND ngày 10/10/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lâm Đồng Triển khai Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU ngày 29/8/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia trên địa bàn tỉnh Lâm Đồng.

Ủy ban nhân dân xã Đức An ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai đồng bộ, kịp thời và hiệu quả các quan điểm chỉ đạo, mục tiêu chiến lược, nhiệm vụ trọng tâm và giải pháp đột phá được xác định tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU. Từ đó, tạo chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của cả hệ thống chính trị, khơi dậy tinh thần đổi mới sáng tạo, phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội trong giai đoạn mới.

2. Yêu cầu

Nâng cao vai trò, trách nhiệm của địa phương, tổ chức chính trị - xã hội và người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong việc thúc đẩy các đột phá chiến lược về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Tổ chức nghiên cứu, quán triệt nghiêm túc, thiết thực và hiệu quả nội dung Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP và Kế hoạch hành động số 08-KH/TU; bảo đảm phù hợp với từng đối tượng, từng ngành; góp phần nâng cao nhận thức, thống nhất ý chí và hành động trong toàn hệ thống chính trị.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Cụ thể hóa và thực hiện kịp thời, đầy đủ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 57-NQ/TW, Nghị quyết số 71/NQ-CP, Kế hoạch hành động số 08-KH/TU.

Xác định nhiệm vụ, giải pháp, kết quả sản phẩm, tiến độ thực hiện cụ thể và phân công tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; bảo đảm hoàn thành các nhiệm vụ được giao, thực sự tạo được đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, tạo nền tảng, động lực thúc đẩy phát triển của tỉnh trong kỷ nguyên vươn mình của dân tộc.

2. Mục tiêu cụ thể: *(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm).*

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nâng cao nhận thức, đột phá về đổi mới tư duy, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ, quyết liệt lãnh đạo, chỉ đạo, tạo xung lực mới, khí thế mới trong toàn xã hội về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã

1.1. Xây dựng Kế hoạch tuyên truyền về nội dung Nghị quyết 57-NQ/TW, Nghị quyết 71/NQ-CP, Kế hoạch hành động 08-KH/TU và Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh theo hướng đa dạng hóa các hình thức, cụ thể hóa nội dung và có mục tiêu cụ thể.

1.2. Xây dựng chương mục chuyên biệt về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên hệ thống phát thanh, trang thông tin điện tử và mạng xã hội.

1.3. Xây dựng kế hoạch phát động phong trào học tập trên các nền tảng số để trở thành phong trào “học tập số thường xuyên, liên tục, phổ cập, nâng cao kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản trong cán bộ, công chức, học sinh và nhân dân.

1.4. Tham mưu triển khai thực hiện các quy định trách nhiệm người đứng đầu các cơ quan nhà nước trực tiếp phụ trách, lãnh đạo, chỉ đạo triển khai nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của cơ quan, tổ chức.

1.5. Tham mưu triển khai thực hiện Đề án đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ chuyển đổi số của cơ quan nhà nước, người đứng đầu và cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước.

1.6. Cụ thể hóa nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong chương trình, kế hoạch công tác hằng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị.

1.7. Cập nhật điều chỉnh theo Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết số 71/NQ-CP để thực hiện theo tình hình thực tế.

1.8. Phân đầu bố trí tỷ lệ phù hợp cán bộ có chuyên môn, kinh nghiệm về khoa học kỹ thuật trong đội ngũ lãnh đạo từng phòng, ban, đơn vị nhà nước trên địa bàn xã.

1.9. Xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức về kiến thức về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số, công nghệ số cơ bản phục vụ chuyển đổi số quốc gia.

1.10. Phát động phong trào thi đua trong để phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, sự tham gia tích cực của doanh nhân, doanh nghiệp và nhân dân thực hiện thành công cuộc cách mạng chuyển đổi số. Chú trọng biểu dương, tôn vinh, khen thưởng khích lệ, động viên kịp thời bằng nhiều hình thức đa dạng cho các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân có thành tích trong chuyển đổi số.

1.11. Rà soát, bổ sung các nhiệm vụ, giải pháp trong Chương trình hành động của Chính phủ triển khai Nghị quyết số 57-NQ/TW, bảo đảm đồng bộ với các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đề ra tại Nghị quyết số 57-NQ/TW và Nghị quyết số 193/2025/NQ-QH15 của Quốc hội.

1.12. Trên cơ sở chỉ tiêu, nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đề xuất của các cơ quan, đơn vị và khả năng cân đối ngân sách, điều chỉnh trong dự toán ngân sách năm 2025 để bố trí ít nhất 3% ngân sách cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và tiếp tục nâng lên 2% trong 5 năm tiếp theo.

2. Khẩn trương, quyết liệt tham gia hoàn thiện, triển khai thực hiện có hiệu quả các thể chế; xóa bỏ mọi tư tưởng, quan niệm, rào cản đang cản trở sự phát triển; đưa thể chế thành một lợi thế cạnh tranh trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

2.1. Rà soát các quy định pháp luật để kịp thời đề xuất tháo gỡ các điểm nghẽn phục vụ hoạt động phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2.2. Rà soát, điều chỉnh, số hóa quy trình nội bộ; hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các ngành, lĩnh vực liên quan tới người dân; tái cấu trúc, đơn giản hóa quy trình thủ tục hành chính.

2.3. Rà soát, điều chỉnh các quy trình nội bộ để đáp ứng các quy định của Luật Giao dịch điện tử; thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt sáng tạo, hiệu quả cho phép sử dụng các giấy tờ điện tử tích hợp trên tài khoản định danh điện tử thay thế với giấy tờ giấy khi thực hiện các thủ tục hành chính; sớm có phương án cắt giảm các thành phần hồ sơ khi dữ liệu đã được số hóa.

2.4. Hoàn thành số hóa quy trình nghiệp vụ nội bộ, hồ sơ tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực liên quan tới người dân, doanh nghiệp, hoạt động công vụ (đất đai, tư pháp, y tế, giáo dục, lao động việc

làm,...); tái sử dụng 100% dữ liệu đã số hóa để cắt giảm tối đa thủ tục hành chính và chi phí tuân thủ cho người dân, doanh nghiệp.

2.5. Đẩy mạnh tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa tối đa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến, nhất là các thủ tục liên quan đến cư trú, hộ tịch, giấy phép lái xe, đất đai, doanh nghiệp; triển khai tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính không phụ thuộc vào địa giới hành chính trong phạm vi cấp tỉnh.

3. Tăng cường đầu tư, hoàn thiện hạ tầng cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã

3.1. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ và công nghiệp chiến lược.

3.2. Kết nối mạng lưới kết nối các trung tâm đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, tập trung vào các công nghệ chiến lược và chuyển đổi số.

3.3. Tổ chức ứng dụng trí tuệ nhân tạo dựa trên dữ liệu lớn trong các ngành, lĩnh vực quan trọng.

3.4. Rà soát các quy định hiện hành để bảo đảm có quy định về ưu đãi đầu tư, thuê, mua các sản phẩm, dịch vụ số.

3.5. Xây dựng kế hoạch triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của các ngành, lĩnh vực.

3.6. Triển khai các nền tảng số quốc gia, nền tảng số dùng chung của ngành, lĩnh vực, vùng theo danh mục đã được ban hành bảo đảm hoạt động thống nhất, liên thông của các ngành, lĩnh vực trên môi trường số.

3.7. Xây dựng Kế hoạch/Chương trình phát triển kinh tế số, xã hội số.

3.8. Xây dựng, ban hành Kế hoạch phát triển hạ tầng số.

3.9. Xây dựng, triển khai đề án ứng dụng IoT trong một số ngành, lĩnh vực như sản xuất thương mại, quản lý năng lượng, nông nghiệp thông minh, giao thông thông minh, y tế thông minh...

3.10. Triển khai đưa vào khai thác hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia; các cơ sở dữ liệu dùng chung theo danh mục đã ban hành của Ủy ban nhân dân tỉnh để phát triển kinh tế - xã hội.

3.11. Hoàn thành kết nối, khai thác, chia sẻ hiệu quả dữ liệu; triển khai các sáng kiến mở dữ liệu.

3.12. Xây dựng, ban hành Kế hoạch nghiên cứu, phát triển ứng dụng trí tuệ nhân tạo vào lĩnh vực hành chính công, chuyển đổi số.

3.13. Tiếp nhận, tổng hợp, đánh giá, lựa chọn các sản phẩm, giải pháp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số để đưa vào ứng dụng trong năm 2025.

3.14. Triển khai thực hiện dự án “Xây dựng Hệ thống cơ sở dữ liệu không gian địa lý dùng chung tỉnh Lâm Đồng.

4. Phát triển, trọng dụng nhân lực chất lượng cao, nhân tài đáp ứng yêu cầu phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của xã

4.1. Triển khai Đề án phát triển, trọng dụng nhân tài, nhân lực chất lượng cao, nhất là cán bộ chuyên gia đầu ngành phục vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia để triển khai Chiến lược quốc gia về thu hút, trọng dụng nhân tài đến năm 2030, tầm nhìn đến 2050.

4.2. Rà soát, đảm bảo thực hiện các chính sách đặc thù thu hút, tuyển dụng, đãi ngộ và trọng dụng nhân lực chuyển đổi số làm việc tại cơ quan nhà nước, đảm bảo đủ về số lượng, chất lượng, phù hợp.

4.3. Triển khai Đề án rà soát, điều chỉnh Quy hoạch các tổ chức khoa học, công nghệ công lập; tổ chức đánh giá, sáp nhập, giải thể các tổ chức khoa học và công nghệ công lập hoạt động không hiệu quả để tập trung đầu tư có trọng tâm trọng điểm cho các tổ chức mạnh, kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu, ứng dụng và đào tạo.

5. Đẩy mạnh chuyển đổi số, ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo trong hoạt động của các cơ quan trong hệ thống chính trị; nâng cao hiệu quả quản trị quốc gia, hiệu lực quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, bảo đảm quốc phòng và an ninh

5.1. Xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình phát triển Chính phủ số.

5.2. Xây dựng Kế hoạch nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; cung cấp dịch vụ số mới được cá nhân hóa, dựa trên dữ liệu cho người dân và doanh nghiệp.

5.3. Triển khai Nghị quyết của Chính phủ về Chương trình cắt giảm đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2025 và 2026 (Nghị quyết số 66/NQ-CP ngày 26/3/2025 của Chính phủ).

5.4. Tham mưu triển khai bộ quy tắc ứng xử văn hóa trên môi trường số.

5.5. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, du lịch.

5.6. Triển khai các nền tảng số nhằm giám sát, thu thập dữ liệu lĩnh vực tài nguyên, môi trường.

5.7. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số trong hoạt động xây dựng, quản lý, khai thác kết cấu hạ tầng.

5.8. Xây dựng và triển khai các ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) hỗ trợ phân tích, cảnh báo thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

5.9. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển các nền tảng, sản phẩm quốc gia đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

5.10. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án nâng cao năng lực hoạt động của các lực lượng quốc gia về đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

5.11. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về an toàn thông tin mạng.

5.12. Hướng dẫn và triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin, dữ liệu.

5.13. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát hiện, đấu tranh ngăn chặn hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá, xuyên tạc, phá hoại tư tưởng của các thế lực thù địch, phản động trên mạng và tội phạm mạng.

5.14. Thúc đẩy doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thương mại điện tử để nghiên cứu sử dụng định danh và xác thực điện tử trong các giao dịch thương mại điện tử.

5.15. Triển khai giải pháp, công cụ giám sát các cơ sở khám chữa bệnh thực hiện liên thông dữ liệu Sổ sức khỏe điện tử, Giấy chuyển tuyến, Giấy hẹn khám lại, Kết quả xét nghiệm; để cơ sở khám chữa bệnh, bác sĩ khai thác thông tin sổ sức khỏe trên VNeID trực tiếp từ phần mềm của cơ sở khám chữa bệnh.

5.16. Tập trung số hoá dữ liệu, khai thác ứng dụng cắt giảm thủ tục hành chính - không phụ thuộc các ngành, trọng tâm là lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.

5.17. Cập nhật Khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, chính quyền số và điều chỉnh các hệ thống thông tin theo hướng phù hợp với mô hình tổ chức 3 cấp (trung ương, tỉnh, xã) theo phương án không tổ chức cấp huyện, việc số hóa dữ liệu phục vụ bàn giao, nâng cấp hệ thống thông tin giai quyết thủ tục hành chính để thực hiện được ngay sau khi kết thúc mô hình cấp huyện.

5.18. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án Nâng cao năng lực số cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

5.19. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo lĩnh vực công tác dân tộc, tôn giáo.

6. Thúc đẩy mạnh mẽ hoạt động khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong doanh nghiệp

6.1. Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, hộ kinh doanh.

6.2. Triển khai bộ tiêu chí đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp.

6.3. Công bố danh mục các bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của đất nước để các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam tham gia giải quyết.

6.4. Xây dựng kế hoạch triển khai chương trình thúc đẩy tiêu dùng sản phẩm, dịch vụ trên môi trường số bao gồm đưa sản phẩm lên môi trường số; trang bị kỹ năng số cho người dân, cung cấp các tiện ích để người dân giao dịch trên môi trường số, tạo lập niềm tin số.

7. Tăng cường hợp tác quốc tế trong phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số

7.1. Tổ chức các chương trình hợp tác, trao đổi học tập kinh nghiệm với các xã có mô hình, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số hiệu quả, phù hợp với thực tế.

7.2. Cử cán bộ tham gia các diễn đàn, hội nghị về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm nguồn vốn từ ngân sách nhà nước, vốn doanh nghiệp, tài trợ quốc tế và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Đối với nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo phân cấp nhà nước hiện hành. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này các phòng, ban, đơn vị xây dựng dự toán kinh phí cụ thể hàng năm để triển khai thực hiện theo quy định.

3. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp trong và ngoài nước tham gia thực hiện kế hoạch theo quy định của pháp luật; lồng ghép thực hiện các nhiệm vụ được giao cho các Phòng, ban ngành, đơn vị trong các chương trình, kế hoạch khác có liên quan.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Các phòng chuyên môn xã, các cơ quan, đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân xã Đức An chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã về tiến độ, nội dung, kết quả thực hiện các nhiệm vụ trong Kế hoạch và chủ động thực hiện các nội dung sau:

1. Các phòng chuyên môn xã, các cơ quan, đơn vị phải xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ được giao của đơn vị mình tại các Phụ lục kèm theo Kế hoạch. Rà soát các chương trình, kế hoạch đã ban hành còn hiệu lực nhưng không còn phù hợp, chủ động tham mưu cấp thẩm quyền kết thúc và thực hiện chỉ tiêu, nhiệm vụ theo Kế hoạch. Tập trung chỉ đạo thực hiện nội dung nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, tăng cường kiểm tra đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

2. Phòng Văn hóa - Xã hội là cơ quan đầu mối, tổng hợp, có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện Kế hoạch; tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân xã kịp thời tháo gỡ, giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai; định kỳ hoặc đột xuất tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định.

3. Các Phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị cấp xã, Ban tự quản các thôn, bon, tổ dân phố định kỳ hoặc đột xuất báo cáo kết quả về phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, báo cáo Sở Khoa học và Công nghệ kịp thời và đầy đủ:

Báo cáo tháng (trước ngày 10 hàng tháng).

Báo cáo hàng quý (trước ngày 10 của tháng cuối quý).

Báo cáo năm (trước ngày 10 tháng 11 hàng năm).

4. Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch này, các Phòng chuyên môn, các cơ quan, đơn vị xây dựng dự toán kinh phí cụ thể hàng năm để triển khai thực hiện theo quy định. Đẩy mạnh việc huy động các nguồn lực tài chính từ các tổ chức, cá nhân, các doanh nghiệp tham gia thực hiện Kế hoạch theo quy định của pháp luật. Thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ được giao cho các đơn vị trong các chương trình, kế hoạch khác có liên quan.

5. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã phát huy vai trò giám sát, phản biện xã hội; tăng cường công tác tuyên truyền, vận động thành viên, đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua, cuộc vận động về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn./.

Nơi nhận:

- Sở Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT. Đảng ủy xã (b/c);
- TT. HĐND xã (b/c);
- Chủ tịch, PCT. UBND xã;
- UBMTTQVN xã;
- Các cơ quan thuộc Đảng ủy xã;
- Công an xã;
- Các cơ quan, đơn vị thuộc UBND xã;
- BTQ các thôn, bon, TDP;
- Lưu: VT, VHXX (Huyện).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Vinh

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CÁC CHỈ TIÊU CỤ THỂ
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của UBND xã Đức An)

STT	Chỉ tiêu	Phấn đấu theo từng giai đoạn					Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	
I	Phát triển hạ tầng						
1	Tỷ lệ người sử dụng có khả năng truy cập băng rộng cố định với tốc độ trên 1 GBps/s	≥60%	100%	100%	100%	100 %	Phòng Văn hóa - Xã hội
2	Trung tâm giám sát an ninh mạng (SOC), giám sát, ứng cứu sự cố cho toàn hệ thống	Có	Có	Có	Có	Có	Công an xã
II	Phát triển nguồn lực						
1	Tỷ lệ chi ngân sách địa phương cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo	≥1,0%	≥1,5%	≥2,0%	≥2,5%	≥3,0%	Phòng Kinh tế
2	Tỷ lệ cho khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Đạt 2% GRDP	Đạt 3% GRDP	Đạt 3% GRDP	Đạt 3% GRDP	Đạt 3% GRDP	Phòng Kinh tế
3	Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng kỹ năng số căn bản	≥80%	100%	100%	100%	100 %	Phòng Văn hóa - Xã hội
4	Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức làm chủ kỹ năng số, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành	≥80%	100%	100%	100%	100%	Phòng Văn hóa - Xã hội; Văn phòng HĐND-UBND
5	Tỷ lệ dân số trưởng thành tiếp cận dịch vụ số trong y tế, giáo dục, bảo hiểm, giao	≥80%	85%	90%	93%	95%	Phòng Văn hóa - Xã hội

	thông						
STT	Chỉ tiêu	Phấn đấu theo từng giai đoạn					Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	
III	Phát triển khoa học, công nghệ						
1	Số nhiệm vụ khoa học và công nghệ triển khai mỗi năm	≥1	≥5	≥8	≥9	≥12	Phòng Văn hóa - Xã hội
2	Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng kết quả nghiên cứu từ viện, trường trong sản xuất kinh doanh	≥10%	≥15%	≥20%	≥30%	≥40%	Phòng Văn hóa - Xã hội
3	Ứng dụng AI, IoT, Big Data... trong quản lý môi trường, đô thị thông minh; nâng cao chất lượng sống người dân	Có	Có	Có	Có	Có	Phòng Văn hóa - Xã hội
4	Làm chủ một số công nghệ chiến lược, công nghệ số như: Trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật (IoT), dữ liệu lớn, điện toán đám mây, chuỗi khối, bán dẫn, công nghệ lượng tử, nano; ứng dụng công nghệ hiện đại vào việc quản lý môi trường, đô thị thông minh, nâng cao chất lượng sống người dân	-	-	Có	Có	Có	Phòng Văn hóa - Xã hội

STT	Chỉ tiêu	Phần đầu theo từng giai đoạn					Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	
IV	Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo						
1	Số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ	Có	Có	Có	Có	Có	Phòng Kinh tế
2	Số lượng doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo	Có	Có	Có	Có	Có	Phòng Kinh tế
3	Số lượng dự án khởi nghiệp, sáng tạo mỗi năm	-	-	-	5	8	Phòng Văn hóa - Xã hội
4	Số lượng sáng kiến kinh nghiệm công được công nhận mỗi năm	≥ 3	≥ 5	≥ 8	≥ 10	≥ 15	Phòng Văn hóa - Xã hội
V	Phát triển chuyển đổi số						
1	Tỷ lệ thủ tục hành chính được tiếp nhận, giải quyết phi địa giới hành chính giữa các cấp chính quyền	>50%	100%	-	-	-	Văn phòng HĐND-UBND; Trung tâm phục vụ HCC
2	Tỷ lệ giao dịch hành chính thuộc diện “phi tiếp xúc”	$\geq 50\%$	100%	-	-	-	Trung tâm phục vụ hành chính công
3	Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa	$\geq 70\%$	100%	-	-	-	Trung tâm phục vụ hành chính công

4	Tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện	$\geq 80\%$	100%	-	-	-	Trung tâm phục vụ hành chính công
STT	Chỉ tiêu	Phấn đấu theo từng giai đoạn					Cơ quan chủ trì theo dõi, đánh giá
		Năm 2025	Năm 2030	Năm 2035	Năm 2040	Năm 2045	
5	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính xử lý trực tuyến	$\geq 70\%$	100%	-	-	-	Trung tâm phục vụ hành chính công
6	Tỷ lệ doanh nghiệp vừa và nhỏ địa phương ứng dụng công nghệ số	$\geq 10\%$	$\geq 15\%$	$\geq 20\%$	$\geq 30\%$	$\geq 35\%$	Phòng kinh tế
7	Tỷ lệ người dân đủ điều kiện (trên 14 tuổi và có sim chính chủ) có tài khoản định danh điện tử (VNeID).	$\geq 70\%$	$\geq 80\%$	$\geq 90\%$	$\geq 100\%$	$\geq 100\%$	Công an xã
8	Tỷ lệ người dân có chữ ký số	-	5%	$\geq 10\%$	$\geq 15\%$	$\geq 20\%$	Phòng Văn hóa - Xã hội

PHỤ LỤC II: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ
TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT 71/NQ-CP VÀ KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG 08-KH/TU
(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-UBND ngày tháng 10 năm 2025 của UBND xã Đức An)

STT	Tên nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
I	Đột phá về Nâng cao Năng lực và Nguồn nhân lực Số					
1	Đào tạo Cán bộ, công chức, viên chức trong cơ quan nhà nước về nhiệm vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số	Tổ chức 02 khóa bồi dưỡng chuyên đề/năm về: An toàn thông tin; Kỹ năng sử dụng Hệ thống Văn phòng điện tử; Phân tích dữ liệu cơ bản từ Báo cáo thống kê số.	Văn phòng HĐND-UBND xã	Công an xã	100% cán bộ, công chức có Chứng chỉ/Giấy xác nhận hoàn thành khóa học; Đánh giá năng lực số định kỳ.	Hàng năm
2	Phát huy vai trò Tổ chuyển đổi số Cộng đồng	Xây dựng và duy trì hoạt động của Tổ công nghệ số cộng đồng tại 100% các thôn, bon, TDP. Cung cấp tài liệu hướng dẫn cho Tổ chuyển đổi số để hướng dẫn người dân sử dụng VNeID, nộp hồ sơ trực tuyến tại nhà.	Phòng Văn hóa - Xã hội	Công an xã; Đoàn TNCS HCM xã	Báo cáo hoạt động định kỳ của Tổ chuyển đổi số; 80% người dân được tiếp cận hướng dẫn chuyển đổi số.	Hàng năm
3	Khuyến khích các mô hình, sáng kiến trong thực hiện nhiệm vụ	Áp dụng chính sách khuyến khích, khen thưởng kịp thời các cá nhân có sáng kiến cải tiến quy trình công việc, ứng	Phòng Văn hóa - Xã hội	Trung tâm phục vụ hành chính công	Danh sách các sáng kiến được áp dụng; Tỷ lệ giảm thời gian giải quyết TTHC (đo	Thường xuyên

		dụng công nghệ đem lại hiệu quả rõ rệt.			lường).	
STT	Tên nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
II	Phát triển Chính quyền số và Đơn giản hóa TTHC					
1	Tái cấu trúc Quy trình DVC	Trung tâm phục vụ hành chính công áp dụng 100% các quy trình TTHC theo hướng số hóa, loại bỏ hoàn toàn yêu cầu cung cấp lại các giấy tờ đã có trong CSDL Quốc gia.	Trung tâm phục vụ Hành chính công	Văn phòng HĐND – UBND; Trung tâm phục vụ HCC; Phòng Văn hóa – Xã hội	Quy trình nội bộ được tái cấu trúc.	áp dụng thường xuyên chính thức từ Q4/2026
2	Khai thác CSDL Địa phương	Triển khai kế hoạch số hóa các hồ sơ đất đai và hộ tịch cũ do xã quản lý, tạo lập kho dữ liệu số của xã. Phối hợp với Công an xã để đối chiếu và làm sạch dữ liệu.	Văn phòng HĐND – UBND	Trung tâm phục vụ hành chính công; Phòng Kinh tế; Công an xã	100% dữ liệu hộ tịch lịch sử được số hóa; Xây dựng bản đồ số phục vụ tra cứu quy hoạch cấp xã.	Từ Quý IV năm 2025
3	Đảm bảo An ninh Mạng cấp xã	Thiết lập Quy chế Quản lý và Bảo mật Hệ thống mạng nội bộ. Định kỳ kiểm tra, rà soát các lỗ hổng bảo mật và phần mềm độc hại. Trang bị phần mềm phòng chống virus bản quyền cho máy chủ và máy trạm.	Công an xã	Văn phòng HĐND - UBND xã	Quy chế ATTT được ban hành; 100% máy trạm được bảo vệ.	Thường xuyên
III	Thúc đẩy Nông nghiệp số, Kinh tế số					
1	Thúc đẩy Nông nghiệp Số	Lựa chọn 03 mô hình HTX/hộ kinh doanh tiêu biểu để thí điểm ứng dụng Sổ tay điện tử, Mã QR truy xuất nguồn gốc và kết	Phòng Kinh tế	Phòng Văn hóa – Xã hội	03 mô hình được nhân rộng; Tăng 10% năng	Từ Quý III năm 2026

		nổi với các hệ thống dự báo thời tiết/cảnh báo sâu bệnh sớm.			suất ở các mô hình thí điểm.	
STT	Tên nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
2	Phát triển TMĐT cho Sản phẩm Địa phương	Tổ chức “Tuần lễ Bán hàng SỔ” cho sản phẩm địa phương (cà phê, nông sản) trên các nền tảng TMĐT và các mạng xã hội lớn. Hỗ trợ 100% HTX và hộ kinh doanh có sản phẩm OCOP mở gian hàng online.	Phòng Kinh tế	Hội Nông dân xã; Phòng Văn hóa - Xã hội	Tỷ lệ hộ kinh doanh có gian hàng online đạt 70%; Tăng 15% doanh số bán hàng qua kênh online.	Hàng năm
3	Phổ cập Thanh toán SỔ	Vận động 100% các điểm cung cấp dịch vụ công ích (điện, nước, viễn thông) và các điểm bán lẻ, chợ truyền thống lắp đặt mã QR Code/thiết bị thanh toán không tiền mặt.	Phòng Kinh tế	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã; Phòng Văn hóa Xã hội	Mức độ tăng trưởng giao dịch không tiền mặt đạt 20%/năm.	02 đợt/năm
IV	Phát triển Xã hội số và Đảm bảo An sinh Xã hội					
1	Hướng dẫn Sử dụng VNeID	Công an xã chủ trì tổ chức ít nhất 01 đợt cao điểm/Quý để hướng dẫn người dân cài đặt và kích hoạt tài khoản định danh điện tử VNeID mức độ 2 tại Trụ	Công an xã	Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã; Tổ công nghệ số cộng đồng.	100% dân số đủ điều kiện có VNeID kích hoạt	Hàng năm

		sở Công an xã và các điểm thôn.				
2	Triển khai ứng dụng Y tế số sức khỏe điện tử	Trạm Y tế xã triển hồ sơ sức khỏe điện tử cá nhân cho 100% người dân	Trạm y tế xã	Phòng Văn hóa - Xã hội	100% người dân có hồ sơ sức khỏe điện tử.	02 đợt/năm
STT	Tên nhiệm vụ	Giải pháp thực hiện	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Kết quả	Thời gian thực hiện
3	Triển khai Giáo dục Số	Các trường học để triển khai thúc đẩy sử dụng sổ liên lạc điện tử và các nền tảng học tập trực tuyến.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Các trường học trên địa bàn xã	100% học sinh được tiếp cận các nền tảng học tập trực tuyến, học bạ điện tử và ứng dụng giáo dục số	Thường xuyên
4	Đảm bảo An sinh Xã hội Số	Triển khai chi trả các chính sách an sinh xã hội (trợ cấp, hỗ trợ) qua tài khoản ngân hàng hoặc ví điện tử, hướng tới mục tiêu không chi trả tiền mặt cho các đối tượng thụ hưởng có khả năng.	Phòng Văn hóa – Xã hội	Phòng Kinh tế; Công an xã	Tỷ lệ chi trả An sinh Xã hội qua tài khoản ngân hàng đạt 70%.	Thường xuyên